

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN PNJ

QUÝ II NĂM 2023

Báo cáo tài chính riêng quý 02

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	2
Bảng cân đối kế toán riêng đến 30/06/2023	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2023	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 30/06/2023	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 2/2023	7 - 29

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
QUÝ 2 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 06 tháng 02 năm 2023

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch	
Bà Trần Phương Ngọc Thảo	Phó Chủ tịch	(Trúng cử ngày 27/04/2023)
Bà Đặng Thị Lài	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023)
Ông Đặng Hải Anh	Thành viên	(Trúng cử ngày 27/04/2023)
Ông Đào Trung Kiên	Thành viên	
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên độc lập	
Bà Tiêu Yến Trinh	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông Lê Quang Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Xuân Liên	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Lài	Giám đốc cao cấp Tài chính
Ông Nguyễn Anh Hùng	Giám đốc cao cấp Nguồn nhân lực (đến ngày 01/05/2023)
Ông Đào Trung Kiên	Giám đốc cao cấp Vận hành (từ ngày 06/02/2023)
Ông Đặng Hải Anh	Giám đốc cao cấp Công nghệ thông tin
Ông Nguyễn Khoa Hồng Thành	Giám đốc cao cấp Marketing (từ ngày 26/03/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Văn Quân	Giám đốc cao cấp Cung ứng (từ ngày 16/02/2023)
Ông Dương Quang Hải	Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị phân công ông Lê Trí Thông quản lý và điều hành :

- Khối Khách hàng & Bán lẻ (Từ ngày 10/08/2020)
- Khối Chiến lược (Từ ngày 06/02/2023)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Trí Thông	Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG
QUÝ 2 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

		Đơn vị tính : VND	
Mã		SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
SỐ	TÀI SẢN	VND	VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	11,193,590,682,013	11,064,035,069,182
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	355,810,236,680	812,986,324,575
111	Tiền	355,810,236,680	812,986,324,575
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,000,000,000,000	200,000,000,000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1,000,000,000,000	200,000,000,000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	522,042,843,645	710,766,133,884
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	181,272,994,788	143,730,514,010
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	84,946,786,204	396,330,171,806
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	202,000,000,000	140,000,000,000
136	Phải thu ngắn hạn khác	56,513,366,993	33,444,427,006
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(2,806,717,308)	(2,806,717,308)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	116,412,968	67,738,370
140	Hàng tồn kho	9,252,782,573,732	9,271,399,848,670
141	Hàng tồn kho	9,252,782,573,732	9,271,399,848,670
150	Tài sản ngắn hạn khác	62,955,027,956	68,882,762,053
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	60,584,317,656	65,745,263,061
152	Thuế GTGT được khấu trừ	2,370,710,300	3,137,498,992
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	1,895,085,734,294	1,846,082,304,812
210	Các khoản phải thu dài hạn	96,132,453,919	88,419,971,107
216	Phải thu dài hạn khác	96,132,453,919	88,419,971,107
220	Tài sản cố định	793,877,688,600	805,633,551,936
221	Tài sản cố định hữu hình	159,841,647,873	162,935,282,608
222	- Nguyên giá	381,476,398,079	368,585,849,492
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(221,634,750,206)	(205,650,566,884)
227	Tài sản cố định vô hình	634,036,040,727	642,698,269,328
228	- Nguyên giá	705,939,742,348	705,939,742,348
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(71,903,701,621)	(63,241,473,020)
240	Tài sản dở dang dài hạn	28,799,987,250	28,799,987,250
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	28,799,987,250	28,799,987,250
250	Đầu tư tài chính dài hạn	602,280,086,108	586,669,065,179
251	Đầu tư vào công ty con	660,000,000,000	660,000,000,000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3,980,000,000	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	395,271,613,400	395,271,613,400
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(456,971,527,292)	(468,602,548,221)
260	Tài sản dài hạn khác	373,995,518,417	336,559,729,340
261	Chi phí trả trước dài hạn	257,265,383,854	219,829,594,777
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	116,730,134,563	116,730,134,563
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	13,088,676,416,307	12,910,117,373,994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
QUÝ 2 - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã		SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
Số	NGUỒN VỐN	VND	VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	4,021,745,711,735	4,569,887,335,324
310	Nợ ngắn hạn	4,007,904,415,886	4,559,852,546,324
311	Phải trả người bán ngắn hạn	357,712,869,456	255,035,902,130
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	133,762,227,448	170,105,715,685
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	208,353,315,187	226,999,428,026
314	Phải trả người lao động	587,727,953,437	836,225,571,023
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	54,761,807,829	77,567,311,611
319	Phải trả ngắn hạn khác	305,756,940,740	196,542,039,364
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2,081,225,552,541	2,605,754,185,502
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	30,129,306,488	30,129,306,488
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	248,474,442,760	161,493,086,495
330	Nợ dài hạn	13,841,295,849	10,034,789,000
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	3,806,506,849	-
337	Phải trả dài hạn khác	518,668,000	518,668,000
342	Dự phòng phải trả dài hạn	9,516,121,000	9,516,121,000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	9,066,930,704,572	8,340,230,038,670
410	Vốn chủ sở hữu	9,066,930,704,572	8,340,230,038,670
411	Vốn góp của chủ sở hữu	3,281,691,880,000	2,461,716,200,000
412	Thặng dư vốn cổ phần	1,431,400,352,458	2,251,376,032,458
415	Cổ phiếu quỹ (*)	(3,384,090,000)	(3,384,090,000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	1,936,397,556,918	1,212,120,556,918
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,420,825,005,196	2,418,401,339,294
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	1,357,901,561,894	791,386,349,487
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	1,062,923,443,302	1,627,014,989,807
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	13,088,676,416,307	12,910,117,373,994

Nguyễn Thành Đạt
Người lập

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 07 năm 2023

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 2 NĂM 2023

Mã Số		QUÝ II		Lũy kế từ đầu năm	
		NĂM 2023	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2022
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,921,621,500,864	9,410,667,552,284	16,959,960,841,598	20,405,467,162,669
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	100,201,996,688	74,141,019,152	193,265,223,835	159,564,626,877
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6,821,419,504,176	9,336,526,533,132	16,766,695,617,763	20,245,902,535,792
11	Giá vốn hàng bán	5,676,993,195,744	7,958,988,728,136	13,808,580,849,899	17,153,320,814,114
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1,144,426,308,432	1,377,537,804,996	2,958,114,767,864	3,092,581,721,678
21	Doanh thu hoạt động tài chính	35,551,815,930	8,845,508,263	49,068,715,136	10,929,931,493
22	Chi phí tài chính	24,693,573,091	20,673,346,446	59,443,633,999	49,583,824,178
23	<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	30,349,456,664	12,427,458,080	61,430,393,937	41,460,781,537
25	Chi phí bán hàng	593,060,244,202	731,665,247,259	1,324,151,847,318	1,350,571,919,867
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	137,480,271,556	160,402,762,233	296,242,054,197	290,614,377,545
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	424,744,035,513	473,641,957,321	1,327,345,947,486	1,412,741,531,581
31	Thu nhập khác	1,385,208,469	2,198,158,274	2,762,995,752	2,743,879,065
32	Chi phí khác	346,012,408	1,069,550,317	752,188,222	2,922,992,560
40	Lợi nhuận khác	1,039,196,061	1,128,607,957	2,010,807,530	(179,113,495)
50	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	425,783,231,574	474,770,565,278	1,329,356,755,016	1,412,562,418,086
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	85,238,672,554	95,625,390,690	266,433,311,714	283,488,967,339
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	340,544,559,020	379,145,174,588	1,062,923,443,302	1,129,073,450,747



Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 07 tháng 07 năm 2023



Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 2 Năm 2023 kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VND

Mã số		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	Lợi nhuận trước thuế	1,329,356,755,016	1,412,562,418,086
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	25,668,693,939	23,821,825,864
03	- Các khoản dự phòng	(11,631,020,929)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	(8,572,288,022)	(2,351,000,719)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(30,852,166,123)	(2,902,481,618)
06	- Chi phí lãi vay	61,430,393,937	41,460,781,537
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1,365,400,367,818	1,472,591,543,150
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	243,777,596,119	(411,142,924,506)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	18,617,274,938	783,960,744,055
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả	(190,552,910,580)	130,652,782,437
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(32,274,843,672)	(6,256,016,575)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(63,856,250,085)	(43,015,212,925)
15	- Thuế TNDN đã nộp	(275,783,471,081)	(262,184,949,854)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(9,353,297,582)	(13,902,330,790)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1,055,974,465,875	1,650,703,634,992
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(14,016,466,421)	(13,697,061,242)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	329,611,727	64,830,149
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	(1,062,000,000,000)	(230,000,000,000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	200,000,000,000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3,980,000,000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	37,824,485,845	2,892,147,507
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(841,842,368,849)	(240,740,083,586)
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	-	1,410,946,550,000
33	Tiền thu từ đi vay	2,663,641,661,045	2,680,836,679,018
34	Tiền trả nợ gốc vay	(3,188,170,294,006)	(4,351,816,569,120)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(146,779,551,960)	(276,391,157,610)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(671,308,184,921)	(536,424,497,712)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(457,176,087,895)	873,539,053,694
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	812,986,324,575	305,277,938,978
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	355,810,236,680	1,178,816,992,672

Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 21 tháng 07 năm 2023

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng

Lê Trí Thông
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 5.483 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2022: 4.875 người).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các công ty con của Công ty bao gồm:

- | | |
|---|---------------|
| - Công ty TNHH MTV Thời trang CAO (CAF) | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Giám định PNJ (PNJL) | - Công ty con |
| - Công ty TNHH MTV Chế tác và kinh doanh trang sức PNJ (PNJP) | - Công ty con |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 57 chi nhánh với 374 cửa hàng, tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Điều Hành đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo qui định hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Điều Hành phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều Hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản đương tương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp"

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tập theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 05 năm 2023

Thuế tài sản

Mọi khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được tính bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chỉ trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều Hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	150,070,090,061	400,728,142,501
Tiền gửi ngân hàng	187,088,453,219	366,064,822,140
Tiền đang chuyển	18,645,693,400	46,193,359,934
TỔNG CỘNG	355,810,236,680	812,986,324,575

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	1,000,000,000,000	200,000,000,000
Ngân hàng OCB	150,000,000,000	200,000,000,000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển CN HCM	460,000,000,000	-
Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á - Seabank	250,000,000,000	-
Ngân Hàng TMCP Bản Việt CN Sài Gòn	50,000,000,000	-
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế	50,000,000,000	-
Ngân Hàng Woori Bank Viet Nam	40,000,000,000	-
TỔNG CỘNG	1,000,000,000,000	200,000,000,000
b. Dài hạn		
Đầu tư vào Công ty con	598,300,086,108	586,669,065,179
Công ty Thời Trang CAO	150,000,000,000	150,000,000,000
Công ty Giám Định PNJ	10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng lỗ đầu tư CAO (*)	(61,699,913,892)	(73,330,934,821)
Công ty PNJP	500,000,000,000	500,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3,980,000,000	
Công ty Cổ Phần Người Bạn Vàng	3,980,000,000	
Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB)	395,271,613,400	395,271,613,400
Dự phòng giảm giá đầu tư (EAB) (**)	(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
TỔNG CỘNG	602,280,086,108	586,669,065,179

Công ty TNHH Một Thành Viên Thời Trang CAO (CAF) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 14 tháng 08 năm 2009. CAF có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là Bán lẻ trang sức vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức.

Công ty TNHH Một Thành Viên Giám Định PNJ (PNJL) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PNJL có trụ sở chính tại số 168A Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là dịch vụ giám định kim cương, vàng,

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

hợp kim vàng, kim loại quý, kim loại màu, đá quý, đá bán quý và các khoáng vật, các loại đá màu, cẩm thạch.

Công ty TNHH MTV Thành Viên Chế tác và kinh doanh trang sức PNU (PNJP) được PNU đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0315018466 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP HCM cấp ngày 28 tháng 04 năm 2018. PNJP có trụ sở chính tại số 23 đường 18, phường 5, Quận Gò Vấp, TP HCM.

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Ngân hàng TMCP Đông Á vẫn trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà Nước và cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Nội dung	Lũy kế từ đầu năm	
	Mua vào Q2.2023	Bán ra Q2.2023
1. Công ty CAO		
Bán hàng hóa		24,215,641,819
Mua hàng hóa	10,609,931,930	
Dịch vụ	130,650,000	418,168,549
2. Công ty PNJL		
Dịch vụ kiểm định	1,434,959,077	
Dịch vụ Cho thuê mặt bằng		272,727,273
Lãi vay phải trả	88,767,123	
3. Công ty PNJP		
Bán hàng hóa		1,020,576,291,390
Dịch vụ cho thuê mặt bằng		1,281,818,181
Mua hàng hóa	1,988,454,042,031	
Dịch vụ	5,434,133,782	
Tổng cộng	2,006,152,483,943	1,046,764,647,212

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Tại ngày 30/06/2023, các khoản phải thu và phải trả giữa PNJ và các công ty con như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu</i>
			<i>(Phải trả)</i>
1. PHẢI THU			185,269,608,587
Phải thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			184,184,985,815
Công ty PNJP	Công ty con	Trả trước tiền hàng	
Công ty CAO	Công ty con	Trả trước tiền hàng	36,692,170,508
Công ty CAO	Công ty con	Phải thu CAO	147,492,815,307
Các khoản phải thu khác			1,084,622,772
Công ty CAO	Công ty con	Phải thu khác (trả chậm)	1,084,622,772
Công ty PNJL	Công ty con	Phải thu lãi PP sau thuế	
2. PHẢI TRẢ			(81,992,622,723)
Phải trả mua hàng, cung cấp dịch vụ			(39,129,896,239)
Công ty PNJP	Công ty con	Phải trả tiền mua hàng	(38,295,811,239)
Công ty PNJL	Công ty con	Cọc thuê mặt bằng	(300,000,000)
Công ty PNJL	Công ty con	Dịch vụ kiểm định	(534,085,000)
Công ty CAO	Công ty con	Phải trả CAO	0
Các khoản phải trả khác			(42,862,726,484)
Công ty CAO	Công ty con	Phải trả CAO-Thu hộ	(12,862,726,484)
Công ty PNJL	Công ty con	Huy động vốn	(30,000,000,000)
	Công ty con	Lãi huy động vốn	

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Parkson Lê Thánh Tôn	-	-
Parkson Hùng Vương	-	-
Diamond Lê Duẩn	179,538,961	514,723,849
TTTM Nowzone	506,568,110	771,785,986
Sense Cà Mau	747,214,777	784,063,107
Sense Bến Tre	810,810,721	905,772,564
Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội	920,192,045	-
Tòa Nhà Gold Coast Nha Trang	1,138,764,660	1,309,856,377
Công ty CP DayOne	1,449,783,000	1,732,683,800
Crescent Mall Q7	1,475,022,557	2,745,711,304
Sense Cần Thơ	1,522,198,454	2,751,472,729
Aeon Hải Phòng	1,605,037,204	2,459,044,120
Giao Hàng Tiết Kiệm	1,668,843,352	881,947,065
Công Ty CP DVTT Payoo	1,802,200,000	-
Aeonmall Hà Đông	2,051,158,967	3,455,906,062
Aeon Hà Nội	2,609,700,906	3,871,527,147
Aeon Tân Phú	2,858,277,417	7,799,727,008
Aeon Bình Dương	3,662,041,982	8,249,435,172
Công Ty TNHH MTV CAO	147,492,815,307	93,335,781,909
Phải thu khách hàng khác	4,109,125,800	4,611,371,213
TỔNG CỘNG	181,272,994,788	143,730,514,010

Theo thỏa thuận hợp tác giữa 2 bên, Trung tâm thương mại thực hiện thu hộ tiền bán hàng và thanh toán lại cho PNJ theo định kỳ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

4. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
a. Ngắn hạn		
Ngân Hàng OCB	-	6,954,794,521
Hoàng Gia Ngọc	4,009,596,164	4,009,596,164
Công Đoàn PNJ	9,399,000,000	-
Trình Sơn Nhựt	6,674,723,920	7,043,947,458
Tạm ứng nhân viên	4,089,120,366	1,995,780,879
Lãi gởi tiết kiệm Ngân Hàng	24,258,235,161	-
Công Ty TNHH MTV CAO	1,084,622,772	-
Hội nữ doanh nhân	5,000,000,000	-
Phải thu khác	2,098,068,620	14,340,307,994
TỔNG CỘNG	68,613,366,993	33,444,427,006
b. Dài hạn		
Kỳ quỹ dài hạn thuê mặt bằng	96,132,453,919	88,419,971,107
	96,132,453,919	88,419,971,107

5. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên vật liệu	452,207,986,366	519,001,420,333
Công cụ, dụng cụ	39,762,160,747	44,445,537,687
Chi phí sản xuất dở dang	-	793,638,605
Thành phẩm	6,096,212,629,582	6,876,257,805,734
Hàng hóa	2,664,599,797,038	1,830,901,446,311
Phải thu khách hàng khác	9,262,782,573,732	9,271,399,848,670

Hàng tồn kho trị giá 3.097.000.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 12).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

NGÂN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i>
Quầy tủ	3,644,144,740	4,050,221,511
Máy móc thiết bị	5,111,149,806	6,429,485,540
Chi phí thuê nhà	36,196,564,968	34,109,069,519
Chi phí sửa chữa, bảo trì	2,896,914,850	3,145,281,159
Chi phí công nghệ thông tin	6,537,334,419	13,747,510,963
Chi phí khác	6,198,208,873	4,263,694,369
Phải thu khách hàng khác	60,584,317,656	65,745,263,061

DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i>
Quầy tủ	66,374,988,401	52,178,204,042
Máy móc thiết bị	56,609,647,007	48,067,813,412
Chi phí thuê nhà	2,545,199,264	4,693,940,300
Chi phí sửa chữa, bảo trì	125,666,107,810	110,061,249,509
Chi phí công nghệ thông tin	1,777,538,753	-
Chi phí khác	4,291,902,619	4,828,387,514
Phải thu khách hàng khác	257,265,383,854	219,829,594,777

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC:

QUÝ 2/2023

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nợ trong kỳ	Số đã thu/ nợ trong kỳ	Số cuối kỳ
a.Các khoản phải thu				
Thuế GTGT nhập khẩu		41,032,598,116	41,032,598,116	-
Thuế GTGT được khấu trừ	2,470,477,904	2,097,276,388	2,197,043,992	2,370,710,300
Thuế XNK		7,296,376,287	7,296,376,287	-
TỔNG CỘNG	2,470,477,904	50,426,250,791	50,526,018,395	2,370,710,300
b.Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT	27,762,461,230	139,701,728,372	150,461,081,339	17,003,108,263
Thuế TNDN	178,465,227,667	85,238,672,554	79,714,704,688	183,989,195,533
Thuế TNCN	29,478,394,071	29,118,111,593	55,794,326,908	2,802,178,756
Thuế khác	4,558,832,635	647,882,591	647,882,591	4,558,832,635
TỔNG CỘNG	240,264,915,603	254,706,395,110	286,617,995,526	208,353,315,187

6 THÁNG / 2023

a.Các khoản phải thu				
Thuế GTGT nhập khẩu	-	104,670,698,381	104,670,698,381	-
Thuế GTGT được khấu trừ	3,137,498,992	4,114,832,811	4,881,621,503	2,370,710,300
Thuế XNK	-	30,255,119,235	30,255,119,235	-
TỔNG CỘNG	3,137,498,992	139,040,650,427	139,807,439,119	2,370,710,300
b.Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT	22,256,518,892	342,976,849,161	348,230,259,790	17,003,108,263
Thuế TNDN	193,339,354,900	266,433,311,714	275,783,471,081	183,989,195,533
Thuế TNCN	6,845,721,599	111,694,777,427	115,738,320,270	2,802,178,756
Thuế khác	4,557,832,635	2,329,053,714	2,328,053,714	4,558,832,635
TỔNG CỘNG	226,999,428,026	723,433,992,016	742,080,104,855	208,353,315,187

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay	3,692,252,584	6,055,450,738
Chi phí quảng cáo & truyền thông	39,169,173,278	59,142,239,840
Chi phí khác	11,900,381,967	12,369,621,033
	54,761,807,829	77,567,311,611

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

BCSa-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

PHÂN LOẠI	NHÀ CỬA	MÁY MÓC	PT VẬN TẢI	TS QUẢN LÝ	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ					
1. Đầu kỳ	155,749,390,623	74,643,806,668	41,054,060,788	97,133,592,393	368,535,849,452
2. Tăng trong kỳ	1,043,462,170	5,783,738,150	4,126,636,800	3,062,629,301	14,015,465,421
3. Giảm trong kỳ	-	200,754,744	502,286,636	422,876,454	1,125,917,534
4. Cuối kỳ	156,792,852,793	80,231,789,094	44,678,410,952	99,773,345,240	381,475,398,079
Trong đó,					
Tài sản đã khấu hao hết	2,714,607,472	32,040,602,305	6,401,398,854	45,314,137,388	86,470,745,959
II. HAO MÒN					
1. Đầu kỳ	67,924,821,285	43,982,683,261	23,578,445,761	70,164,616,577	205,650,566,884
2. Tăng trong kỳ	4,204,171,806	5,468,851,148	2,270,272,784	5,063,169,600	17,006,463,338
3. Giảm trong kỳ	-	200,754,744	502,286,636	319,240,636	1,022,252,016
4. Cuối kỳ	72,128,993,091	49,250,779,665	25,346,431,909	74,908,545,541	221,634,750,206
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Đầu kỳ	87,824,569,338	30,661,122,427	17,475,615,027	26,968,975,816	162,930,262,608
2. Cuối kỳ	84,663,859,702	30,981,009,429	19,331,979,043	24,864,799,699	159,841,647,873

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11).



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (gộp hợp)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

PHÂN LOẠI	QUYỀN SỬ ĐẤT	PHÂN MỀM	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ			
1. Đầu kỳ	557,784,111,372	148,155,830,976	705,939,942,348
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Cuối kỳ	557,784,111,372	148,155,830,976	705,939,942,348
Trong đó,			
Tài sản đã khấu hao hết	-	6,982,250,583	6,982,250,583
II. HAO MÒN			
1. Đầu kỳ	-	63,241,473,820	63,241,473,820
2. Tăng trong kỳ	-	8,882,228,891	8,882,228,891
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Cuối kỳ	-	71,993,701,821	71,993,701,821
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Đầu kỳ	557,784,111,372	84,914,157,956	642,698,269,328
2. Cuối kỳ	557,784,111,372	76,251,929,355	634,036,040,727

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
QSDD Dĩ An- Bình Dương	26,137,767,250	26,137,767,250
Công trình 577 Nguyễn Kiệm	2,882,220,990	2,882,220,990
Phải thu khách hàng khác	28,799,987,250	28,799,987,250

11. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
a. Vay ngắn hạn		
Vay từ Ngân hàng thương mại	2,019,893,873,485	2,547,825,843,133
Huy động vốn	61,331,679,976	58,148,342,369
Phải thu khách hàng khác	2,081,225,552,541	2,606,764,185,502

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiết các khoản vay phát sinh trong kỳ như sau:

NGÂN HÀNG	DƯ NỢ ĐẦU KỲ	PHÁT SINH TĂNG	PHÁT SINH GIẢM	DƯ NỢ CUỐI KỲ
VAY NGẮN HẠN VNĐ	1,487,121,599,686	1,546,050,833,465	1,013,278,559,686	2,019,893,873,465
Ngân hàng BIDV CN Hóc Môn	449,000,000,000	219,500,000,000	274,000,000,000	394,500,000,000
Ngân hàng TMCP Công Thương	434,577,176,286	357,952,794,849	192,577,176,286	599,952,794,849
Ngân hàng TMCP Quân Đội	10,768,651,200	-	10,768,651,200	-
SHINHAN BANK VIET NAM CN TPHCM	-	4,656,960,000	4,656,960,000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN HCM	115,775,772,200	624,561,579,836	115,775,772,200	624,561,579,836
Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC	255,000,000,000	101,500,000,000	273,500,000,000	83,000,000,000
NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP.HCM	70,000,000,000	-	70,000,000,000	-
WOORI BANK VIET NAM – CHI NHÁNH BIÊN HÒA	40,000,000,000	-	40,000,000,000	-
KEB Hana Bank - Ho Chi Minh City Br	100,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	100,000,000,000
Ngân hàng The Siam Commercial Bank	12,000,000,000	217,879,498,780	12,000,000,000	217,879,498,780
HUY ĐỘNG VỐN	60,365,430,201	17,887,730,136	16,921,481,261	61,331,679,076
VAY NGẮN HẠN	1,547,487,029,887	1,563,938,563,601	1,030,200,040,947	2,081,225,552,541

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ như sau :

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LS	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY NGẮN HẠN VNĐ	2,019,893,873,465			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương	624,561,579,836	Từ ngày 09 tháng 11 đến ngày 20 tháng 12 năm 2023	6.2%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương	599,952,794,849	Từ ngày 22 tháng 09 đến ngày 12 tháng 11 năm 2023	6.7%	Hàng tồn kho
Ngân hàng BIDV CN Hóc Môn	394,500,000,000	Từ ngày 03 tháng 08 đến ngày 28 tháng 11 năm 2023	6.5%	Hàng tồn kho
The Siam Commercial Bank	217,879,498,780	Từ ngày 24 tháng 08 đến ngày 22 tháng 10 năm 2023	6.4%	Hàng tồn kho
Ngân hàng KEA Hanabank	100,000,000,000	Đến ngày 24 tháng 08 năm 2023	6.7%	Tín chấp
Ngân hàng HSBC	83,000,000,000	Từ ngày 11 tháng 07 đến ngày 11 tháng 12 năm 2023	6.3%	Tín chấp
HUY ĐỘNG VỐN	61,331,679,076			
VAY NGẮN HẠN	2,081,225,552,541			

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công Ty TNHH Hùng Kim Loan	-	1,288,875,680
Công Ty TK&XD Phước Thịnh Thành	-	4,189,514,921
SAP Asia Pte.Ltd	-	5,106,252,291
Công Ty TNHH MTV Đá Quý Nhật Vy	-	3,147,587,000
Rosy Blue Jewellery (HK) Ltd.	-	17,440,357,917
Công Ty TNHH PR Việt	-	3,275,823,600
Công Ty TNHH CN&GP CMC	4,506,000	2,325,802,000
Công Ty TNHH Kobayashi Vina	29,263,101	1,781,565,058
Công Ty TNHH Sx Châu Dương	48,763,000	472,550,220
Công Ty TNHH Thành Thúy	221,633,500	224,153,500
Công Ty PNJL	534,085,000	183,550,000
Cty TNHH TMDV Qc Dòng Kề Vàng	607,084,865	-
Hộ Kinh Doanh Nguyễn Văn Âu	772,557,503	-
Vincom Shophouse Quảng Ninh	832,771,856	832,771,856
Công Ty TNHH Phước Hoàng	970,099,900	1,130,759,806
Công Ty TNHH Bảo Ngọc Long Châu	1,011,279,000	-
Công Ty Thương Mại Dịch Vụ KT	1,018,983,956	-
Công Ty Công Nghệ Bao Bì Yuto	1,029,901,488	1,590,359,584
Google Asia Pacific Pte Ltd	1,127,171,913	-
Tianjin Minghang Beauty	1,145,431,150	2,002,097,393
Công Ty Cp Văn Hóa Song Hành	1,309,110,000	2,362,258,000
Cty TNHH QC TT&DL Cỏ Ba Lá	1,426,942,000	-
Yasho Diam (HK) Limited	1,564,614,016	-
Facebook Ireland Limited	3,602,651,520	2,826,628,727
Công Ty CP Quảng Cáo Redder As	3,705,659,418	-
KGK Diamond Co., Ltd	3,770,733,825	-
Lotus Diamonds Limited	4,532,657,575	-
Christy Gem	4,949,745,328	5,267,832,192
Jewel Star Diamond Co. Ltd	8,233,347,900	-
Fineese Impex Ltd	123,157,311,013	98,320,888,917
Forte Jewellery (HK)	134,241,151,962	55,143,909,736
Các khách hàng khác	57,865,412,667	46,122,363,732
	357,712,869,456	255,035,902,130

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
a. Ngắn hạn		
Các khoản trích theo lương	2,116,647,347	2,390,882,094
Công ty CAO	12,862,726,484	3,362,089,022
Quỹ HĐQT và Ban Điều Hành	51,536,749,302	11,418,221,742
Cổ tức phải trả	211,696,452,947	161,676,227,507
Công Đoàn Công Ty	1,968,791,125	-
Phải trả khác	25,575,573,535	17,694,618,999
	305,756,940,740	196,542,039,364
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng	518,668,000	518,668,000
	518,668,000	518,668,000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	2,276,123,620,000	991,261,882,458	(4,908,890,000)	800,503,556,918	1,881,864,811,687	5,944,844,981,063
Tăng vốn điều lệ	186,354,980,000	1,260,911,550,000	-	-	-	1,447,266,530,000
Giảm vốn điều lệ	(762,400,000)	(797,400,000)	1,524,800,000	-	-	(35,000,000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1,774,616,226,407	1,774,616,226,407
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(762,662,698,800)	(762,662,698,800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	411,617,000,000	(475,417,000,000)	(63,800,000,000)
_ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	411,617,000,000	(411,617,000,000)	-
_ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(51,452,000,000)	(51,452,000,000)
_ Trích quỹ HĐQT & BĐH	-	-	-	-	(12,348,000,000)	(12,348,000,000)
Số dư cuối năm trước	2,461,716,200,000	2,251,376,032,458	(3,384,090,000)	1,212,120,556,918	2,418,401,339,294	8,340,230,038,670
Tăng vốn điều lệ	819,975,680,000	(819,975,680,000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1,062,923,443,302	1,062,923,443,302
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(196,799,777,400)	(196,799,777,400)
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	724,277,000,000	(863,700,000,000)	(139,423,000,000)
_ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	724,277,000,000	(724,277,000,000)	-
_ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(90,535,000,000)	(90,535,000,000)
_ Thường HĐQT và BĐH	-	-	-	-	(48,888,000,000)	(48,888,000,000)
Số dư cuối kỳ này	3,281,691,880,000	1,431,400,352,458	(3,384,090,000)	1,936,397,556,918	2,420,825,005,196	9,066,930,704,572

(*) Ngày 30/01/2023, PNJ công bố thông tin đã thực hiện sửa đổi Khoản 2, điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

(**) Ngày 30/05/2023, PNJ công bố thông tin chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 (6% / cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2 Năm 2023	Quý 2 Năm 2022
Doanh thu, trong đó	6,921,621,500,864	9,410,667,252,284
_ Doanh thu bán trang sức	6,912,274,215,328	9,402,739,936,556
_ Doanh thu hàng hóa khác	308,197,147	531,107,242
_ Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,039,088,389	7,396,208,486
Hàng bán bị trả lại	(100,201,996,688)	(74,140,719,152)
Doanh thu thuần, trong đó	6,821,419,504,176	9,336,526,533,132
_ Doanh thu bán hàng	6,812,072,218,640	9,328,599,217,404
_ Doanh thu hàng hóa khác	308,197,147	531,107,242
_ Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,039,088,389	7,396,208,486

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2 Năm 2023	Quý 2 Năm 2022
Lãi tiền gửi	26,811,743,883	2,631,215,917
Chênh lệch tỷ giá	8,740,072,047	6,214,292,346
TỔNG CỘNG	35,551,815,930	8,845,508,263

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 2 Năm 2023	Quý 2 Năm 2022
Giá vốn bán hàng	5,648,526,476,230	7,947,348,524,995
Giá vốn hàng hóa khác	28,466,719,514	11,640,203,141
TỔNG CỘNG	5,676,993,195,744	7,958,988,728,136

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 Năm 2023	Quý 2 Năm 2022
Chi phí lãi vay	30,349,456,664	12,427,458,080
Chi phí tài chính	3,306,251,090	2,361,999,021
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,668,886,266	5,883,889,345
Hoàn nhập dự phòng Công Ty CAO	(11,631,020,929)	
TỔNG CỘNG	24,693,573,091	20,673,346,446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	<i>Quý 2 Năm 2023</i>	<i>Quý 2 Năm 2022</i>
Chi phí lương, trích theo lương	392,323,834,271	583,661,613,961
Chi phí vật liệu, bao bì	16,176,896,593	15,232,210,820
Chi phí công cụ, dụng cụ	26,579,290,167	21,275,523,189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,836,464,429	12,052,735,778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153,811,224,701	135,355,698,674
Chi phí bằng tiền khác	128,812,805,597	124,490,227,070
TỔNG CỘNG	730,540,515,758	892,068,009,492

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

	<i>Quý 2 Năm 2023</i>	<i>Quý 2 Năm 2022</i>
Lợi nhuận trước thuế	425,783,231,574	474,770,565,278
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
_ Chi phí không được khấu trừ	410,131,195	3,356,388,169
_ Chênh lệch tạm thời tính thuế		
_ Cổ tức từ PNJL	-	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	426,193,362,769	478,126,953,447
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	85,238,672,554	95,625,390,690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

- a) Tài sản thuê ngoài : Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i>
Trong năm tiếp theo	286,062,234,897	252,253,162,287
Từ 1 đến 5 năm	898,902,917,560	817,799,276,147
Trên 5 năm	424,156,477,410	381,430,438,377
	1,609,121,629,866	1,451,482,876,811

- b) Ngoại tệ các loại :

	<i>Ngày 30 tháng 06</i> <i>năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2022</i>
Đô la Mỹ (USD)	77.366	77,442
Bảng Anh (GBP)	1.625	1,625
Đô la Úc (AUD)	381	390
Đồng Euro (EUR)	448	453
Vàng miếng (chì)	14,127	7,903

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều Hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2023

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty.

Rủi ro thanh khoản


Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 11).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2023


Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 27 tháng 07 năm 2023


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng




Lê Trí Thông
Tổng Giám Đốc